

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2021
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Anh Tuấn
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐHPT-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Tố P**, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu phố 10, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận;
2. Bị đơn: ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1993; Địa chỉ: khu phố 10, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận;
(Tất cả có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố P trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn S tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T.

Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông S sống không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, ông S hay kiểm chuyện chửi mắng và đối xử thậm tệ với vợ con, bà chịu không nổi nên dẫn đến ly thân, , đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2021 đến nay, không ai quan tâm đến đến ai. Vì vậy, bà kính mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: 01 đứa, Nguyễn Châu Nguyệt C, sinh ngày 05/10/2010. Nếu ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà ở khu phố 10, thị trấn L, để tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Tố P lấy nhau vào năm 2010, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T.

Trong quá trình sống chung do có nhiều bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và dẫn đến ly thân. Nay bà P xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: 01 đứa, Nguyễn Châu Nguyệt C, sinh ngày 05/10/2010. Ông đồng ý giao cho bà P nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Để tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Văn S. Bà Nguyễn Thị Tố P được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cho giao cho bà P nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Châu Nguyệt C, sinh ngày 05/10/2010 đến khi trưởng thành.

Bà P không yêu ông S cấp dưỡng nuôi các con nên không xem xét;

- Về tài sản chung: Đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn S đã Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện được tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông S, nên Tòa án tiến hành niêm công khai các văn bản tố tụng và căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Đến ngày xét xử ông S có mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Văn S được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống bà P và ông S đều xác nhận do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến ly thân. Đến đầu năm 2021 ông bà chính thức chấm dứt quan hệ vợ chồng. Bà P xác nhận không còn tình cảm với ông S nữa, ông S cũng thừa nhận như vậy. Chứng tỏ, cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông S đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà P xin ly hôn ông S, ông S đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Tại Tòa bà P yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà P và ông S ly thân nhau, bà P là người trực tiếp nuôi con chung, ông S bỏ mặc con không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Chứng tỏ, ông đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, tại Tòa bà P cam đoan sẽ lo cho con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, đồng thời nguyện vọng của con xin được ở với mẹ. Tại phiên tòa ông S đồng ý giao con cho bà P nuôi dưỡng nên ghi nhận sự thỏa thuận này của ông bà.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà P không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét;

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét;

[6] Về nợ chung: Không có

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà P và ông S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Văn S. Bà Nguyễn Thị Tố P được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Tố P được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Châu Nguyệt C, sinh ngày 05/10/2010 đến khi trưởng thành;

Bà P không được cản trở ông S trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Văn S mỗi người phải nộp **150.000đ** (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Bà P đã nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003011 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà P tự nguyện nộp thay án phí cho ông S nên miễn hoàn trả tạm ứng án phí cho bà.

[3] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Văn S là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lý Văn Lầy